BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

MỐC 1700 ĐIỂM CHÊNH VÊNH, NGÀY ĐÁO HẠN PHÁI SINH CÓ THỂ GIA TĂNG BIẾN ĐỘNG

17/11/2026

VN-Index	**1703.01 (-1.37%)**
839 Tr. cổ phiếu	17544.5 Tỷ VND (16.68%)
HNX-Index	**242.73 (-2.36%)**
55 Tr. cổ phiếu	702.6 Tỷ VND (19.82%)
UPCOM-Index	**121.12 (-1.13%)**
27 Tr. cổ phiếu	615.2 Tỷ VND (-16.08%)
VN30F1M	**1815.00 (-1.21%)**
172,364 HD	OI: 33,554 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** VN-Index đóng cửa phiên tại 1703.0 điểm, giảm 23.7 điểm (-1.37%). Thanh khoản tăng đáng kể với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 giảm 30.6 điểm (-1.67%), HNX-Index giảm 5.9 điểm (-2.36%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số nối dài đà giảm với áp lực đến từ nhóm vốn hóa lớn, dẫn đầu là Ngân hàng.
- Dòng tiền khởi sắc tại nhóm Du lịch và Giải trí (HVN, +0.9%); trong khi Ngân hàng (VCB, -2.5%), Bất động sản (VIC, -1.2%), Dịch vụ tài chính (SSI, -1.5%) chịu áp lực điều chỉnh. Về tác động, SAB, KDH, HVN, MSB đóng góp tích cực nhất cho chỉ số, trái lại VIC, VCB, VHM, VPB tạo sức ép giảm điểm.
- Khối ngoại bán ròng hơn 1,100 tỷ đồng, tập trung ở FPT, VIC, MBB, trong khi mua ròng KDH, FRT, BSR.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến giảm Marubozu, đi kèm thành khoản gia tăng cho thấy lực cung chủ động. Các chỉ báo động lượng cũng trở lại suy yếu hàm ý xu hướng ngắn hạn đang kém đi. Theo đó, với việc chỉ số phá vỡ dưới ngưỡng 1710 điểm, đà giảm có khả năng mở rộng về vùng hỗ trợ tiếp theo quanh 1660 - 1680 điểm. Chiều ngược lại, chỉ số cần lấy lại mốc 1720 điểm để kỳ vọng trở lại biên tích lũy 1720 – 1750 điểm, cho mục tiêu hồi phục cao hơn.
- **Đối với HNX-Index**, áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối và chỉ số đã lùi về khu vực hỗ trợ mạnh quanh mốc 240 điểm. Phản ứng giằng co kiểm định có thể chi phối. Chiều ngược lại, kháng cự gần giờ là khu vực 250 – 255 điểm.
- **Chiến lược:** Duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức trung bình, đồng thời theo dõi thêm diễn biến thị trường trong quá trình tìm lại vùng cân bằng. Hạn chế hoạt động bắt đáy đối với các cổ phiếu chưa xuất hiện tín hiệu tạo đáy rõ ràng. Đối với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, có thể cân nhắc các cơ hội giao dịch ngắn hạn tại những nhóm ngành vẫn duy trì sức mạnh dòng tiền như Bất động sản, Tiện ích (Điện) và Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,703.0	**-1.4%**	-2.5%	-0.2%	17,544.5	**16.7%**	26.4%	59.3%	838.9	**18.5%**	23.1%	64.4%
HNX-Index	242.7	**-2.4%**	-5.1%	-6.3%	702.6	**19.8%**	14.2%	36.8%	54.9	**28.7%**	47.6%	45.1%
UPCOM-Index	121.1	**-1.1%**	-0.4%	-3.0%	615.2	**-16.1%**	-3.9%	36.4%	26.9	**-5.1%**	-17.2%	-17.9%
VN30	1,806.5	**-1.7%**	-2.6%	-2.6%	9,657.9	**13.7%**	36.5%	51.2%	311.9	**19.2%**	20.8%	39.0%
VNMID	1,818.6	**-0.9%**	-2.9%	0.4%	6,650.8	**17.8%**	11.2%	72.8%	388.9	**25.5%**	7.5%	73.4%
VNSML	1,184.8	**-1.2%**	-3.4%	-3.2%	941.1	**41.3%**	65.4%	53.4%	56.6	**1.8%**	15.8%	13.1%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	581.9	**-1.9%**	-4.00%	-5.4%	7,229.9	**24.0%**	22.4%	31.4%	298.9	**32.5%**	22.9%	14.1%
Bất động sản	1,001.9	**-1.2%**	-0.79%	9.8%	1,836.8	**9.2%**	-2.4%	-24.2%	91.1	**-1.4%**	-6.3%	-28.9%
Dịch vụ tài chính	248.0	**-1.2%**	-4.10%	-0.7%	2,209.5	**48.8%**	32.8%	6.7%	120.9	**36.5%**	25.8%	-1.7%
Công nghiệp	211.6	**-2.3%**	-6.49%	-8.1%	1,287.6	**9.0%**	27.7%	15.5%	59.2	**41.5%**	50.7%	31.5%
Tài nguyên cơ bản	454.3	**-2.5%**	-4.05%	-1.9%	658.4	**60.1%**	43.3%	-1.8%	41.4	**72.9%**	45.7%	5.1%
Xây dựng - Vật Liệu	146.9	**-1.6%**	-3.99%	-3.7%	447.4	**2.1%**	-18.0%	-25.1%	26.5	**10.9%**	-15.3%	-25.9%
Thực phẩm	471.4	**-0.6%**	0.39%	-3.4%	702.0	**-32.6%**	-20.1%	-28.4%	20.8	**-21.8%**	-10.4%	-21.7%
Bán Lẻ	1,420.3	**-0.1%**	-0.51%	0.2%	711.2	**216.7%**	58.6%	38.0%	12.8	**271.5%**	71.1%	68.8%
Công nghệ	282.8	**-3.0%**	-7.28%	-18.2%	799.4	**46.6%**	19.0%	33.9%	18.1	**48.3%**	17.0%	37.7%
Hóa chất	146.8	**-2.4%**	-6.12%	-11.0%	233.3	**27.1%**	40.6%	-4.0%	10.9	**33.3%**	40.0%	4.9%
Tiện ích	705.0	**-0.6%**	-2.64%	-2.6%	608.4	**-17.9%**	16.9%	80.1%	38.1	**-3.0%**	27.3%	111.6%
Dầu khí	95.0	**-1.4%**	-5.19%	-14.2%	326.7	**-53.2%**	0.52%	-21.6%	14.6	**-56.4%**	-0.7%	-14.8%
Dược phẩm	364.6	**-1.6%**	-2.16%	-6.2%	12.3	**-86.0%**	-68.3%	-74.4%	0.6	**-84.4%**	-65.3%	-73.1%
Bảo hiểm	94.6	**-3.2%**	-6.82%	-14.5%	45.8	**47.1%**	65.5%	-23.3%	0.9	**54.2%**	63.1%	-21.6%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,703.0	-1.37%	-4.6%	11.5x	1.8x
SET-Index	Thái Lan	1,472	-0.18%	16.9%	12.1x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,248	-1.07%	-39.3%	11.1x	0.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,604	-0.07%	-5.7%	13.8x	1.3x
PSEi Index	Phillipines	5,512	0.20%	-8.9%	8.5x	1.1x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,588	0.09%	-9.6%	16.5x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	23,295	-0.91%	-9.1%	11.9x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,024	0.28%	17.3%	20.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	7,341	-1.03%	7.2%	25.1x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	50,759	-1.64%	5.6%	22.1x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,662	-0.26%	7.4%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,224	0.19%	7.5%	16.4x	2.5x
DXY		103.8	0.20%	5.5%		
USDVND		25,707	-0.070%	-2.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

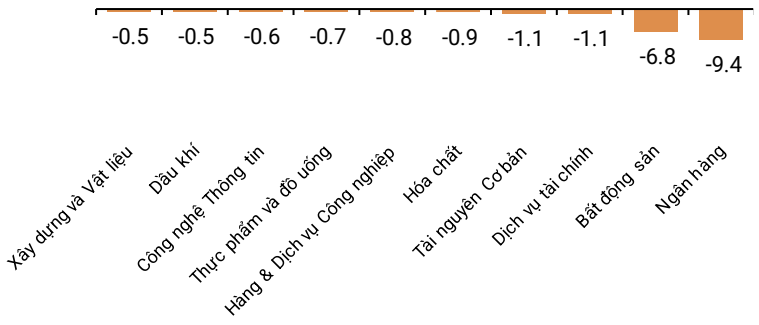
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-1.15%	-16.2%	51.3%	41.9%
Dầu WTI	-1.84%	-16.7%	47.0%	39.0%
Khí gas	-0.5%	2.4%	-13.4%	-27.0%
Than cốc (*)	0.0%	-2.6%	31.3%	18.9%
Thép HRC (*)	-0.3%	-3.9%	-3.9%	-4.7%
PVC (*)	-0.8%	2.0%	7.9%	7.6%
Phân Urea	0.0%	-4.1%	14.5%	10.3%
Cao su thiên nhiên	-1.5%	-5.3%	35.0%	40.7%
Bông Cotton	-0.4%	-3.7%	19.9%	23.1%
Đường	-1.6%	-14.2%	19.1%	21.6%
World Container Index	0.0%	-4.0%	94.6%	131.6%
Baltic Dirty tanker Index	0.1%	-40.9%	238.8%	209.3%
Vàng	-2.07%	-9.5%	-12.7%	-7.3%
Bạc	-3.40%	-19.6%	-36.1%	-9.7%

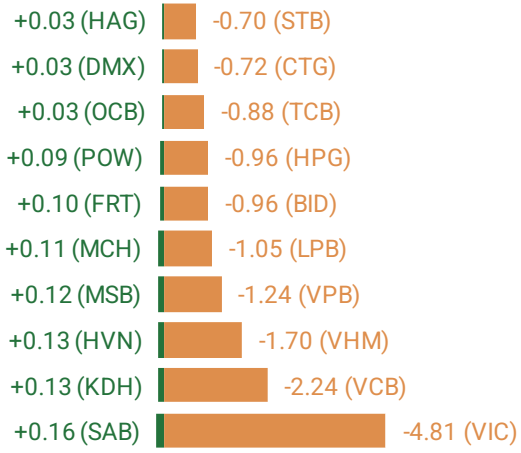
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

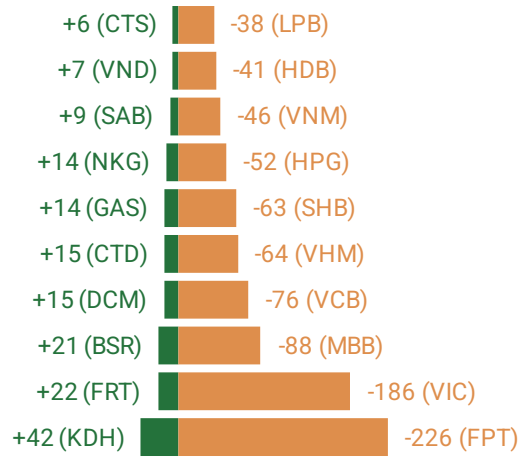
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



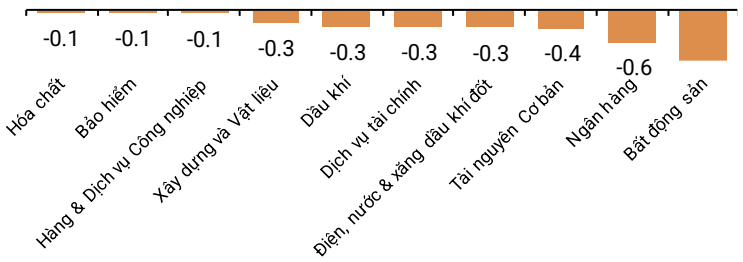
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



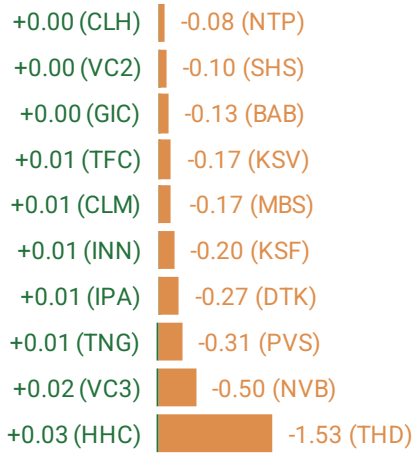
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



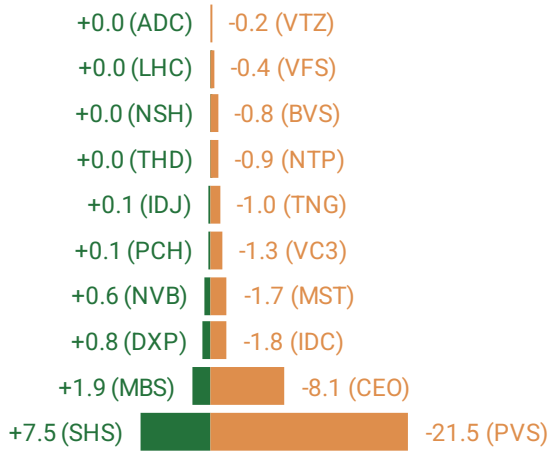
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



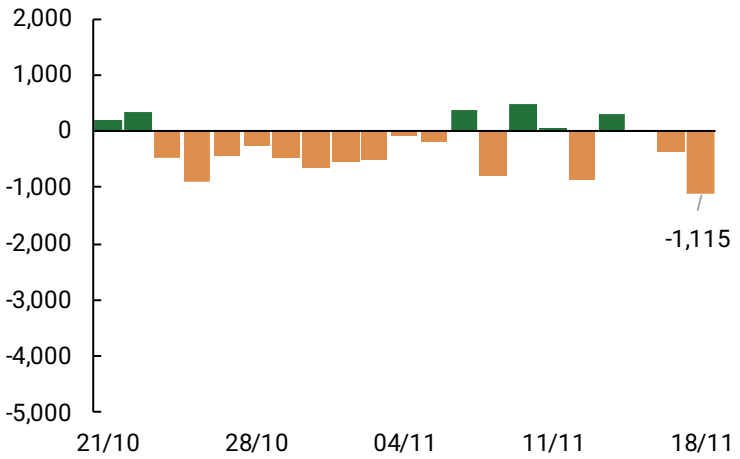
	FPT	HPG	VIC	VCB	VIX
%DoD	-3.2%	-2.6%	-1.2%	-2.5%	-1.6%
Giá trị	768	455	445	421	371

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	HCM	MSB	GEX	STB
%DoD	-4.6%	0.0%	0.9%	-2.7%	-2.5%
Giá trị	2,736	595	555	522	436

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



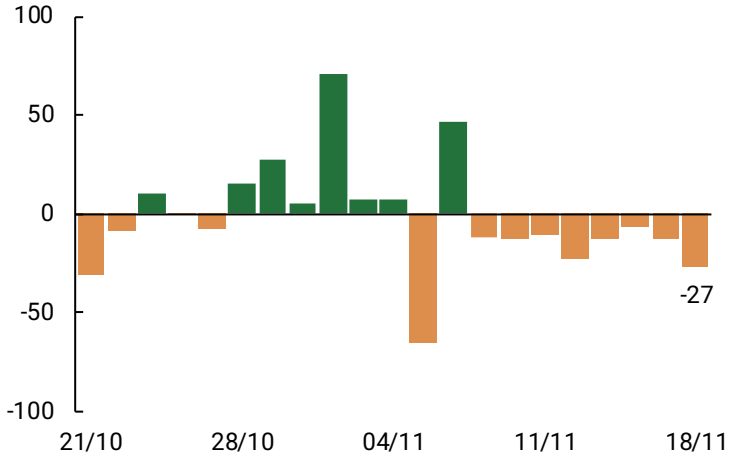
	PVS	SHS	CEO	MBS	IDC
%DoD	-3.2%	-1.5%	0.0%	-1.9%	-0.6%
Giá trị	109	104	69	59	31

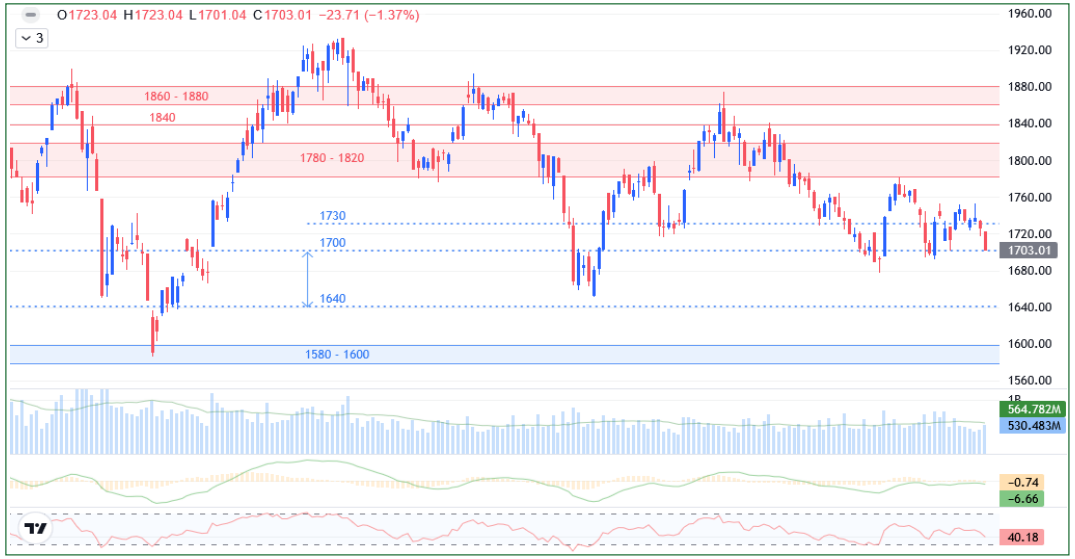
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	IDC	VIT	TIG	PVS	MEL
%DoD	-0.6%	0.0%	-3.7%	-3.2%	-9.2%
Giá trị	60	33	6	5	4

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 l 1710.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối và chỉ số đã đánh mất ngưỡng 1710 điểm, gia tăng khả năng lùi về vùng 1660 – 1680 điểm. Các chỉ báo động lượng cũng suy yếu trở lại, hàm ý lực cung chiếm ưu thế. Ở chiều hồi phục, kháng cự gần hiện giờ quanh vùng 1750 – 1760 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 l 1830
- ✓ Kháng cự: 1860 l 1920.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số đánh mất ngưỡng 1830 điểm, gia tăng khả năng lùi về kiểm định khu vực đáy cũ tháng 7 quanh vùng 1790 – 1800 điểm. Nếu ngưỡng 1790 tiếp tục thất thủ, đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1750 điểm. Chiều ngược lại, kháng cự gần trong chiều hồi phục giờ là ngưỡng 1850 – 1860 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**NAB**	Mua	12/11/2026	-	12.5	12.8 - 13	**-3.1%**	14.2	10.1%	12.1	-6.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1815.0, giảm 22.3 điểm (-1.2%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Giá chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD vận động dưới đường tín hiệu, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Tuy nhiên, giá đã có phản ứng kiểm định tốt khu vực hỗ trợ quanh 1710, cùng RSI đã hạ về gần mức quá bán. Nếu vận động bứt phá và giữ được trên ngưỡng 1820 có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật. Chiều ngược lại, nếu giá trở lại suy yếu dưới ngưỡng 1810, áp lực điều chỉnh khả năng mở rộng.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1737.1, giảm 23.4 điểm (-1.3%). Độ lệch basis 4.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 6 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1730 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1750 điểm.

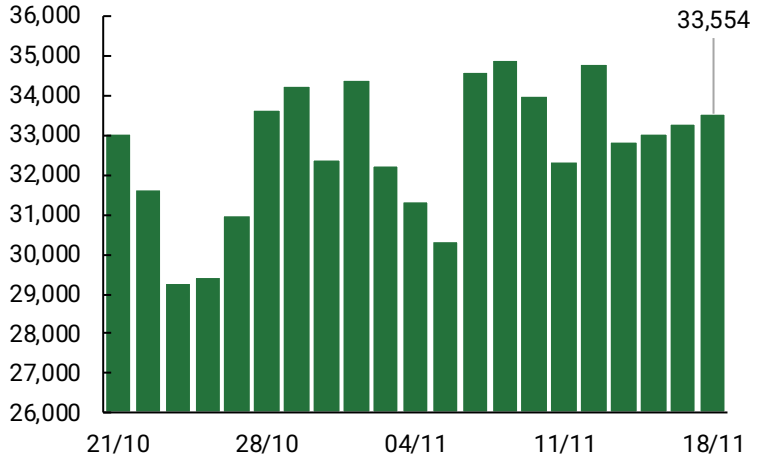
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1810	1795	1818	15 : 8
Long	> 1823	1835	1816	12 : 7

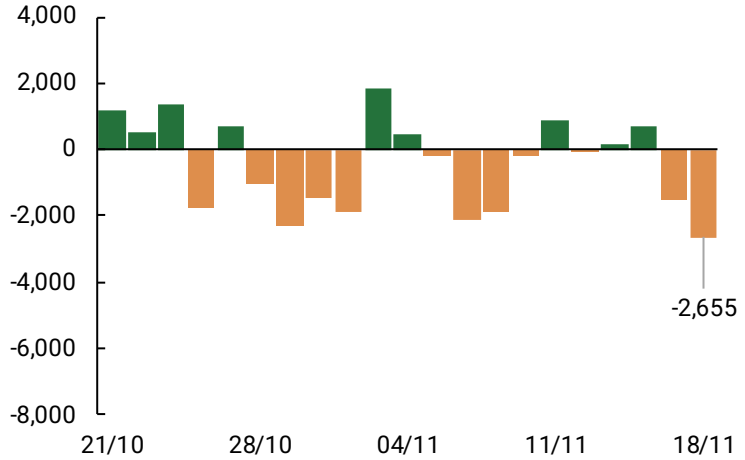
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,809.9	-29.3	22	90	1,824.5	-14.6	17/06/2027	211
41I1H3000	1,808.1	-23.9	63	358	1,816.7	-8.6	18/03/2027	120
41I1GC000	1,808.0	-26.0	12,958	11,591	1,809.0	-1.0	17/12/2026	29
41I1GB000	1,815.0	-22.3	172,364	33,554	1,806.6	8.4	19/11/2026	1
41I2GB000	1,737.1	-23.4	6	32	1,732.9	4.2	19/11/2026	1

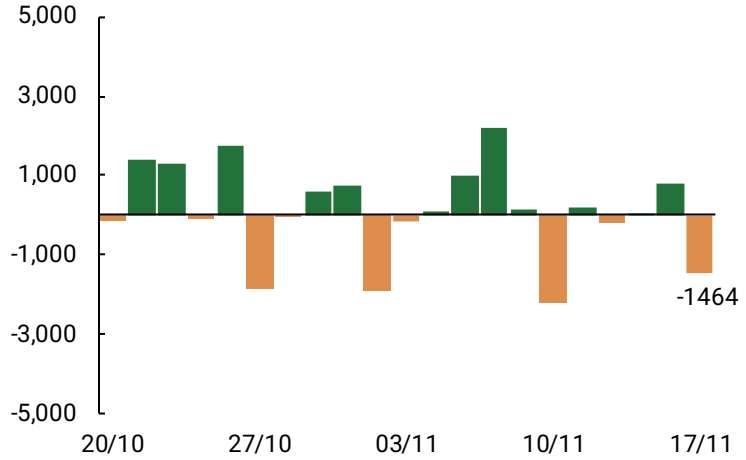
Khối lượng mở (Open interest)



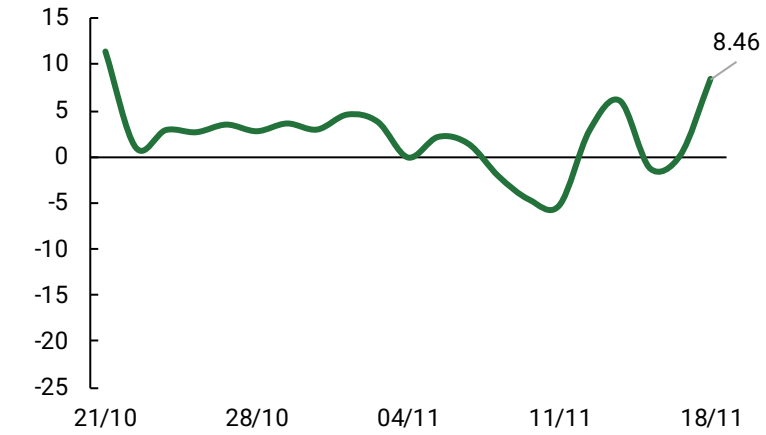
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



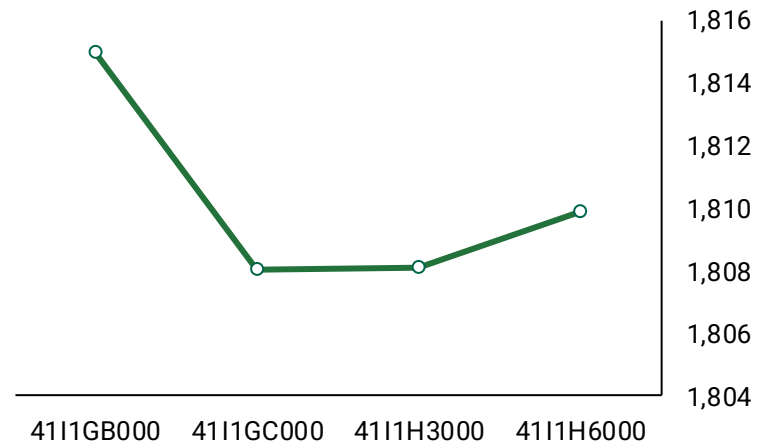
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



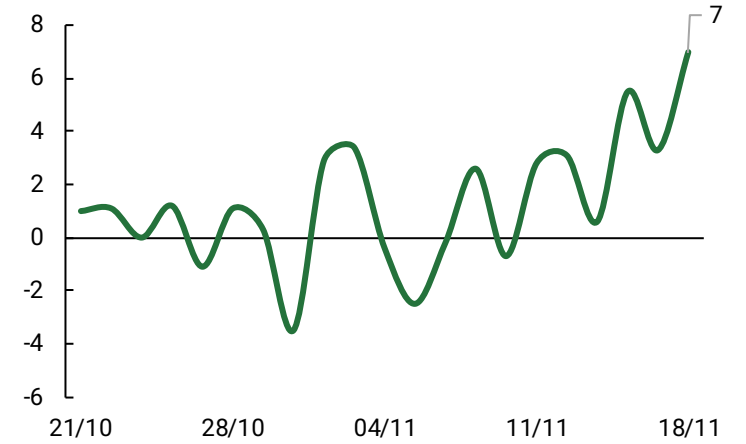
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	24,050	31,150	29.5%	Mua
CTD	70,500	79,600	12.9%	Tăng tỷ trọng
CTG	30,500	39,700	30.2%	Mua
DBD	44,000	56,700	28.9%	Mua
DDV	14,978	29,000	93.6%	Mua
DGW	40,000	48,300	20.8%	Mua
DHC	36,250	42,900	18.3%	Tăng tỷ trọng
DPG	31,600	42,900	35.8%	Mua
FRT	148,600	177,400	19.4%	Tăng tỷ trọng
GMD	51,200	62,600	22.3%	Mua
HAH	46,100	55,800	21.0%	Mua
HPG	20,450	28,700	40.3%	Mua
MBB	18,800	25,200	34.0%	Mua
MCH	132,200	148,500	12.3%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	72,600	108,800	49.9%	Mua
NT2	23,900	24,800	3.8%	Nắm giữ
POW	13,400	15,500	15.7%	Tăng tỷ trọng
PVT	19,000	26,000	36.8%	Mua
SSI	19,550	31,200	59.6%	Mua
TCB	20,750	26,200	26.3%	Mua
TCH	13,350	14,200	6.4%	Nắm giữ
TLG	53,000	59,700	12.6%	Tăng tỷ trọng
VCB	50,800	72,100	41.9%	Mua
VPB	21,000	29,500	40.5%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

Các Tổ chức tín dụng kỳ vọng CPI bình quân năm 2026 tăng 4.49%, năm 2027 tăng 4.23%: Theo kết quả điều tra của Ngân hàng Nhà nước, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam kỳ vọng CPI tháng 11/2026 tăng 0.34% so với tháng trước.

NHNN đề xuất nâng ngưỡng ngân hàng quy mô lớn lên tổng tài sản trên 500,000 tỷ đồng từ năm 2027: Tại dự thảo sửa đổi Thông tư 21/2025/TT-NHNN về xếp hạng TCTD, NHNN đề xuất giữ ngưỡng 300,000 tỷ đồng cho năm xếp hạng 2026 và nâng lên 500,000 tỷ đồng từ năm 2027. Dự thảo bổ sung tỷ lệ LCR bình quân và NSFR vào tiêu chí thanh khoản; ngưỡng tính điểm cao nhất của LCR tăng dần từ 70% (2027–2028) lên 120% từ năm 2034, của NSFR từ 110% lên 120% từ năm 2030.

Chủ tịch Fed New York: Chưa cần tăng lãi suất 0.5 điểm phần trăm trong tháng 12: Ngày 17/11, ông John Williams cho rằng tình hình hiện tại chưa đòi hỏi hành động quyết liệt, dù Fed cần tiếp tục đưa lạm phát về mục tiêu 2%. CPI Mỹ tháng 10 tăng 0.4%, cao hơn dự báo 0.3%. Ông Williams nhận định làn sóng đầu tư AI có thể là yếu tố gây lạm phát dai dẳng nhất. Thị trường đánh giá 98% khả năng tăng 0.25 điểm phần trăm.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FPT - FPT lãi trước thuế 9,954 tỷ đồng sau 10 tháng, tăng 16.8% YoY; chốt quyền tạm ứng cổ tức tiền mặt 10%: Doanh thu 10 tháng đạt 44,959 tỷ đồng (+12.5% YoY), LNST cổ đông công ty mẹ 8,836 tỷ đồng (+13%). Dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 32,079 tỷ đồng (+12.2%); giá trị hợp đồng ký mới ở nước ngoài đạt 40,130 tỷ đồng (+20.8%). FPT sẽ chốt danh sách cổ đông ngày 30/11 để tạm ứng cổ tức đợt 1/2026 tỷ lệ 10%, tổng chi khoảng 1,886 tỷ đồng, thanh toán ngày 10/12.

STB - Sacombank giảm 27% nhân sự trong 9 tháng, CIR giảm từ 46.1% xuống 32.6%: Ngày 17/11, Sacombank thông báo hoàn tất tinh gọn bộ máy. Tại 30/9, ngân hàng có 11,560 nhân viên, giảm 4,291 người so với cuối năm 2025; chi phí nhân viên 9 tháng giảm 22% còn 5,108 tỷ đồng. Tổng thu nhập hoạt động tăng 14.1% lên 27,794 tỷ đồng. LNTT 9 tháng giảm 46.4% YoY còn 5,893 tỷ đồng do dự phòng tăng gần 6 lần.

ANV - Mỹ công bố sơ bộ thuế chống bán phá giá cá tra kỳ POR22, biên độ của Nam Việt tăng khoảng 3 lần: Theo kết quả sơ bộ của Bộ Thương mại Mỹ cho giai đoạn 1/8/2024–31/7/2025, biên độ bán phá giá của Nam Việt là 2.61 USD/kg, tăng từ 0.84 USD/kg tại kỳ POR21. Nhóm 6 doanh nghiệp hưởng mức thuế riêng, gồm I.D.I (IDI), chịu mức 1.28 USD/kg. DOC chấm dứt rà soát với 117 doanh nghiệp, trong đó có Vĩnh Hoàn (VHC), Sao Ta (FMC), Minh Phú (MPC).

VDS - Vợ Chủ tịch Rồng Việt mua thêm 4 triệu cổ phiếu; HĐQT duyệt phát hành 27.2 triệu cổ phiếu trả cổ tức: Từ 6/11 đến 16/11, bà Nguyễn Thanh Loan, Trợ lý Chủ tịch HĐQT và vợ Chủ tịch Nguyễn Miên Tuấn, nâng sở hữu lên 7.65 triệu cổ phiếu (2.82%); hai vợ chồng nắm khoảng 19.61% vốn. Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 tỷ lệ 10:1, dự kiến từ quý 4/2026 đến quý 1/2027.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801